

Bản án số: 120/2021/HS-ST

Ngày: 30-9-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Vũ Hà Nam

Thẩm phán: Ông Nguyễn Đức Cảnh

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hữu Hòa
Ông Phạm Quốc Khánh
Ông Trần Văn Quang

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Lan Anh, ông Đinh Văn Bình - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên toà: Ông Đặng Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở, Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 122/2021/TLST-HS ngày 09/9/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 126/2021/QĐXXST-HS ngày 16/9/2021 đối với bị cáo:

- Họ và tên: **Nguyễn Văn N**; tên gọi khác: Không; Sinh năm: 1985; ĐKKHKT và chỗ ở: Xóm 2, xã N, huyện M, tỉnh Nam Định; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn Giáo: Không; Văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: Nguyên cán bộ hợp đồng của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện M; Con ông: Nguyễn Văn V (đã chết), con bà: Lê Thị M, sinh năm 1961; Gia đình có hai anh em, bị cáo là con thứ nhất; Vợ: Nguyễn Thị Thu D, sinh năm 1985; Bị cáo có 2 con, con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2018.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt giam giữ từ ngày 09/3/2021 cho đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam - Công an tỉnh Nam Định.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn N là luật sư Ngô Duy Đ - Văn phòng luật sư A thuộc Đoàn luật sư tỉnh N.

- Bị hại:

1. Anh Phạm Hữu T, sinh năm 1979
Địa chỉ: Xóm 10, xã T, huyện M, tỉnh Nam Định;
2. Anh Đoàn Văn C, sinh năm 1972
Địa chỉ: Xóm H, xã N, huyện M, tỉnh Nam Định;
3. Chị Trịnh Thị B, sinh năm 1988
Địa chỉ: Xóm 33, xã Đ, huyện M, tỉnh Nam Định;
4. Ông Hoàng Khắc X, sinh năm 1964
Địa chỉ: Xóm 8, xã N, huyện M, tỉnh Nam Định;
5. Ông Hoàng Đức V, sinh năm 1961
Địa chỉ: Xóm 9, xã N, huyện M, tỉnh Nam Định;
6. Ông Nguyễn Phú H, sinh năm 1959
Địa chỉ: Xóm 8, xã N, huyện M, tỉnh Nam Định;
7. Bà Bùi Thị N, sinh năm 1956
Địa chỉ: Tổ 13, thị trấn N, huyện M, tỉnh Nam Định;
8. Anh Đào Hải Q, sinh năm 1997
Địa chỉ: Thôn P, xã N, huyện M, tỉnh Nam Định;
9. Anh Nguyễn Duy B, sinh năm 1978
Địa chỉ: Xóm Ph, xã H, huyện M, tỉnh Nam Định;
10. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1972
Địa chỉ: Thôn T, xã N, huyện M, tỉnh Nam Định;
11. Anh Trịnh Văn N, sinh năm 1978
Địa chỉ: Thôn N, xã N, huyện M, tỉnh Nam Định;
12. Bà Phạm Thị L, sinh năm 1952
Địa chỉ: Thôn C, xã N, huyện M, tỉnh Nam Định;
13. Chị Nguyễn Thị Tr, sinh năm 1986
Địa chỉ: Đội 5, xã N, huyện M, tỉnh Nam Định;
14. Ông Đỗ Văn C, sinh năm 1965
Địa chỉ: Xóm 9, xã Ng, huyện M, tỉnh Nam Định;
15. Anh Trần Văn T, sinh năm 1977
Địa chỉ: Tổ 6, thị trấn N, huyện M, tỉnh Nam Định;
16. Chị Bùi Thị Nh, sinh năm 1980
Địa chỉ: Tổ 7, thị trấn N, huyện M, tỉnh Nam Định;
17. Anh Trần Quốc Đ, sinh năm 1976

Địa chỉ: Xóm 7, xã Ng, huyện M, tỉnh Nam Định;

18. Anh Nguyễn Xuân T, sinh năm 1976

Địa chỉ: Xóm 7, xã Ng, huyện M, tỉnh Nam Định;

19. Anh Trịnh Minh T, sinh năm 1980

Địa chỉ: Thôn N, xã N, huyện M, tỉnh Nam Định;

20. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1953

Địa chỉ: Xóm M, xã B, huyện M, tỉnh Nam Định.

- Người làm chứng:

1. Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1985

2. Ông Lưu Quang V, sinh năm 1985

3. Anh Đàm Thanh B, sinh năm 1981

4. Chị Vũ Thị H, sinh năm 1996

5. Chị Lưu Thị L, sinh năm 1983

6. Bà Phạm Thị Y, sinh năm 1968

7. Chị Lê Thị N, sinh năm 1981

8. Ông Chu Quang B, sinh năm 1948

9. Anh Trần Xuân B, sinh năm 1975

10. Anh Trần Văn A, sinh năm 1977

11. Chị Nguyễn Thị K, sinh năm 1978

12. Bà Lê Thị M, sinh năm 1961

13. Ông Nguyễn Mạnh S, sinh năm 1977

14. Bà Vũ Thị X, sinh năm 1982

Tại phiên tòa: Có mặt bị cáo, người bào chữa cho bị cáo. Về phía bị hại có mặt anh Trịnh Văn N, bà Phạm Thị L, anh Trần Quốc Đ, anh Trịnh Minh T, bà Nguyễn Thị Th còn những người khác vắng mặt. Về phía người làm chứng có mặt ông Chu Quang B, bà Lê Thị M, anh Đàm Thanh B, chị Lưu Thị L còn những người khác vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ tháng 12/2018 đến tháng 10/2020, Nguyễn Văn N, sinh năm 1985, trú tại: Xóm 2, xã N, huyện M, tỉnh Nam Định, là cán bộ hợp đồng của chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện M, đã lạm dụng chức vụ,

quyền hạn được giao, tự ý tiếp nhận hồ sơ nhưng không làm thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 19 hộ dân, chiếm đoạt tiền của họ để trả nợ và tiêu xài cá nhân. Cụ thể nội dung các vụ án như sau:

1. Vụ thứ nhất:

Khoảng tháng 12/2018, anh Phạm Hữu T, sinh năm 1979, trú tại: Xóm 10, xã T, huyện M, tỉnh Nam Định nhờ N làm thủ tục sang tên 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 1697, tờ bản đồ số 4, diện tích 442m² (Trong đó có 244m² đất ở và 198 m² đất vườn) từ tên bà Đặng Thị Đ (là mẹ đẻ anh T) sang tên cho anh T và đối với thửa đất số 2290, tờ bản đồ số 6, diện tích 290m² (Trong đó có 210m² đất ở và 80 m² đất vườn) từ tên bà Nguyễn Thị D (là mẹ đẻ chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1985, là cháu ruột anh T) sang tên cho chị T. Nam đồng ý nhận làm, hai bên cũng chưa thỏa thuận, thống nhất gì về chi phí khi làm thủ tục.

Khoảng vài ngày sau, N một mình đi đến nhà anh Phạm Hữu T ở xóm 10 xã T. Tại đây, anh Phạm Hữu T đã đưa cho N một bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y157886 mang tên bà Đặng Thị Đ, một bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C 206057 mang tên bà Nguyễn Thị D và các giấy tờ liên quan đến việc phân chia tài sản thừa kế của gia đình anh Phạm Hữu T và chị Nguyễn Thị T. N hứa hẹn khoảng vài tháng sau sẽ hoàn thiện xong thủ tục và gia đình anh Phạm Hữu T, chị Nguyễn Thị T sẽ được cấp có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Anh Phạm Hữu T đồng ý đưa trước cho N số tiền 2.000.000 đồng. Việc giao nhận tiền và các tài liệu nêu trên không có ai chứng kiến và không viết giấy tờ biên nhận gì. Thực tế N không thực hiện các thủ tục sang tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh Phạm Hữu T, số tiền 02 triệu đồng N đã sử dụng để trả nợ và tiêu xài cá nhân hết. Tháng 11/2020, N bỏ đi khỏi địa phương, anh Phạm Hữu T nhiều lần gọi điện thoại nhưng không được, nên đã trình báo Cơ quan CSĐT - Công an huyện M, tỉnh Nam Định. (BL 749 - 753).

Tại Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Nam Định, N khai nhận hành vi phạm tội như nêu trên.

Ngày 07/8/2021 Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Nam Định đã trả lại cho anh Phạm Hữu T 02 bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà Đặng Thị Đ và bà Nguyễn Thị D và số giấy tờ anh Phạm Hữu T đưa cho N (BL 49).

Về trách nhiệm dân sự: Anh Phạm Hữu T không yêu cầu Nam phải trả lại số tiền 02 triệu đồng.

2. Vụ thứ hai:

Khoảng tháng 02/2019, anh Đoàn Văn C, sinh năm 1972, trú tại: Xóm H, xã N, huyện M, tỉnh Nam Định nhờ N làm thủ tục sang tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 946/1, tờ bản đồ số 3, diện tích 780m² đất nuôi trồng thủy sản từ tên ông Đoàn Văn Á (là bố đẻ anh Đoàn Văn C) sang tên cho anh C. N đồng ý, nói chi phí hết 24.000.000 đồng.

Ngày 20/02/2019, tại nhà anh Đoàn Văn C, N đã nhận 01 bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 294254 mang tên ông Đoàn Văn Á và số tiền 24.000.000 đồng. Việc giao nhận tiền và tài liệu trên không viết giấy biên nhận gì và không có ai chứng kiến. N đã hướng dẫn anh Đoàn Văn C làm hợp đồng cho tặng quyền sử dụng đất để ông Á và anh C ký xác nhận, sau đó hẹn trong thời gian 01 tháng gia đình anh Đoàn Văn C sẽ được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau khi nhận tiền N đã sử dụng để trả nợ và tiêu xài cá nhân hết. Tháng 11/2020, N bỏ đi khỏi địa phương, anh C nhiều lần liên lạc nhưng không được, đến nhà gặp bà Lê Thị M (là mẹ đẻ của Nam); bà M đã trả lại anh C bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Đoàn Văn Á. Sau đó anh C đã đến Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện M để làm thủ tục sang tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 08/01/2021 Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Nam Định đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh C. Ngày 25/7/2021 anh C trình báo Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Nam Định (BL 705 - 707).

Tại Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Nam Định, N khai nhận hành vi phạm tội như nêu trên.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Đoàn Văn C yêu cầu N phải trả lại số tiền 24 triệu đồng.

3. Vụ thứ ba:

Khoảng tháng 4/2019, chị Trịnh Thị B, sinh năm 1988, trú tại: Xóm 33, xã Đ, huyện M, tỉnh Nam Định mua của ông Lưu Quang L, sinh năm 1967, trú tại: Xóm 33, xã Đ, huyện M, tỉnh Nam Định thửa đất số 3366, tờ bản đồ số 9, diện tích 1.175m² (Trong đó có 300m² đất ở, 810m² đất vườn và 65m² đất ao) và thửa đất số 3369/1, tờ bản đồ số 9, diện tích 502m² đất lúa. Tháng 5/2019 chị B nhờ N làm thủ tục sang tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với hai thửa đất này. N đồng ý, xuống xem thực địa thửa đất, giấy tờ và nói với chị B chi phí hết 35 triệu đồng. Chị B đồng ý đưa trước cho N số tiền 25 triệu đồng (Hai bên không viết giấy biên nhận, chỉ có anh Lưu Quang V, chồng chị B chứng kiến). Hai bên thỏa thuận sẽ làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho thửa đất số

3366 trước, sau đó mới làm thủ tục cho thửa đất số 3369/1. Ngày 15/11/2019 chị B được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Nam Định cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO 897597. N tiếp tục lập hồ sơ ban đầu đối với thửa đất số 3369/1 và đưa cho vợ chồng ông L, vợ chồng chị B ký xác nhận. N bảo chị B đưa tiếp số tiền 10 triệu đồng, nhưng chị Bình bảo hiện chưa có tiền, N cứ cầm hồ sơ, khi nào có tiền sẽ đưa để hoàn thiện thủ tục sau.

Tại Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Nam Định, N khai nhận hành vi phạm tội như nêu trên. N khai số tiền 25 triệu đồng đã đưa cho chị Vũ Thị X, sinh năm 1982, trú tại: Xóm 21, xã Đ, huyện M, tỉnh Nam Định, là Kế toán Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện M số tiền 10 triệu đồng để làm nhanh nghĩa vụ tài chính; Trả tiền cho Văn phòng công chứng huyện T là 1.500.000 đồng; Nộp thuế, lệ phí các loại là 6.000.000 đồng, số tiền còn lại là 7.500.000 đồng đã chi tiêu cá nhân hết. (BL 369 - 374).

Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Nam Định xác minh tại Chi cục thuế huyện M, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện M và Văn phòng công chứng huyện T về việc thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với thửa đất số 3366, xác định: Nộp thuế thu nhập cá nhân là 4.912.500 đồng, nộp lệ phí trước bạ là 1.228.125 đồng; nộp Phí thẩm định hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 140.000 đồng; Lệ phí cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 31.000 đồng và tiền công chứng hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất là 300.000 đồng.

Như vậy tổng số tiền chi phí theo quy định của pháp luật khi làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho thửa đất số 3366 là 6.611.625 đồng. Số tiền còn lại N chiếm đoạt của chị Bình là 18.388.375 đồng. Chị B không có yêu cầu N phải trả số tiền này cho chị.

Ngày 06/8/2021 Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Nam Định đã trả lại cho chị B: 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G 374327 cấp ngày 29/3/1996 (bản gốc) và sổ giấy tờ chị B đưa cho N (BL47).

4. Vụ thứ tư:

Khoảng tháng 7/2019, ông Hoàng Khắc X, sinh năm 1964, trú tại: Xóm 8, xã N, huyện M, tỉnh Nam Định nhờ N làm thủ tục sang tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ bà Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1942, trú tại: Xóm 8, xã N, thửa đất số 2362, tờ bản đồ số 4 có diện tích 265m² (Ông X mua thửa đất này của bà Ng). N đồng ý, xuống kiểm tra thực địa thửa đất, giấy tờ và nói với ông X chi phí hết 50.000.000 đồng. Khoảng vài ngày sau, tại nhà N, ông X đã đưa số tiền 20.000.000 đồng, 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bản gốc) mang tên bà Nguyễn Thị Ng cho N (Việc giao nhận tiền và các giấy tờ nêu trên không viết giấy

biên nhận, không có ai chứng kiến). Vài ngày sau đó, ông X tiếp tục đến nhà đưa tiếp cho N số tiền 30.000.000 đồng, (lần này cũng không viết giấy biên nhận, không có ai chứng kiến). N hứa hẹn trong thời gian khoảng 05 tháng sẽ làm xong thủ tục. Tuy nhiên, quá thời hạn cam kết, ông X nhiều lần gọi điện thoại để hỏi thì N nói vẫn đang làm thủ tục và bảo ông X chờ đợi một thời gian nữa. Sau khi nhận tiền của ông X, N đã sử dụng để trả nợ và tiêu xài cá nhân hết. Tháng 11/2020, N bỏ đi khỏi địa phương. Ông X không liên lạc được với N, liền đến nhà gặp bà Lê Thị M (là mẹ đẻ của N); bà M đã trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà Ng (bản gốc) cho ông X. Ông X trình báo Cơ quan CSĐT - Công an huyện M. Cơ quan CSĐT - Công an huyện M đã chuyển hồ sơ vụ án cho Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Nam Định giải quyết theo thẩm quyền (BL 337 - 340).

Tại Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Nam Định, N khai nhận hành vi phạm tội như nêu trên.

Về trách nhiệm dân sự: Ông X yêu cầu Nam phải trả lại cho ông số tiền 50 triệu đồng.

5. Vụ thứ năm:

Khoảng tháng 8/2019, ông Hoàng Đức V, sinh năm 1961, trú tại: Xóm 9, xã N, huyện M, tỉnh Nam Định nhờ N làm thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất từ đất vườn sang đất ở đối với thửa đất số 2507, tờ bản đồ số 3, diện tích 100m² (thửa đất này ông V bán cho anh Nguyễn Văn V1, sinh năm 1989, trú tại: Xã N, huyện M, tỉnh Nam Định. Theo thỏa thuận khi mua ông V có trách nhiệm chuyển mục đích sử dụng đất cho anh V1). N đồng ý, nói chi phí hết 25.000.000 đồng.

Khoảng vài ngày sau, tại nhà ông V, N đã nhận: 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sổ hộ khẩu, chứng minh nhân dân của vợ chồng anh V1 (tất cả là bản sao) và số tiền 25.000.000 đồng. Việc giao nhận tiền, hồ sơ giữa N và ông V không viết giấy tờ gì và cũng không có ai chứng kiến. N hẹn tháng 2/2020 sẽ hoàn thiện thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đối với thửa đất trên cho ông V. Quá thời hạn cam kết, ông V nhiều lần hỏi N thì N lấy nhiều lý do như huyện M đủ chỉ tiêu chuyển đổi mục đích sử dụng đất nên bảo ông V chờ đợt sau hay việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất đợt này khó khăn nên bảo ông V chờ đợi tiếp. Thực tế N không thực hiện các thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất cho ông V, số tiền 25 triệu đồng N đã sử dụng để trả nợ và tiêu xài cá nhân hết. Tháng 11/2020, N bỏ đi khỏi địa phương, ông V nhiều lần gọi điện thoại nhưng không được, nên đã trình báo Cơ quan CSĐT - Công an huyện M, tỉnh Nam Định. (BL 301-306). Cơ quan CSĐT - Công an huyện M đã chuyển hồ sơ vụ án cho Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Nam Định giải quyết theo thẩm quyền.

Tại Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Nam Định, N khai nhận hành vi phạm tội như nêu trên.

Về trách nhiệm dân sự: Ông V không yêu cầu N phải trả lại số tiền 25 triệu đồng cho ông.

6. Vụ thứ sáu:

Khoảng tháng 10/2019, ông Nguyễn Phú H, sinh năm 1959, trú tại: Xóm 8, xã N, huyện M, tỉnh Nam Định nhờ N làm thủ tục sang tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 1901, tờ bản đồ số 4, diện tích 690m² (Trong đó có 290m² đất ở và 400 m² đất vườn) từ tên bà Nguyễn Thị Đ (là mẹ đẻ ông H) sang tên cho anh Nguyễn Phú D, sinh năm 1985 và Nguyễn Phú Đ, sinh năm 1990 (là con trai ông H). N đồng ý, nói chi phí hết 25.000.000 đồng. Tuy nhiên lúc đó ông H chưa có tiền nên mới chỉ đưa cho Nam bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà Nguyễn Thị Đ, bản sao căn cước công dân của ông H, anh D và anh Đ.

Khoảng tháng 2/2020, tại nhà ông H, N đã nhận số tiền 19.000.000 đồng. Hai bên thống nhất khi nào nhận được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông H sẽ đưa nốt số tiền 6 triệu đồng. Khi đưa tiền không có người chứng kiến và cũng không ghi giấy tờ gì. Khoảng vài ngày sau, N tiếp tục xuống nhà ông Hải để xem thực địa thửa đất và tiến hành đo đạc, N hẹn trong thời gian vài tháng sẽ hoàn thành xong việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Hải. Sau khi nhận tiền N đã sử dụng để trả nợ và tiêu xài cá nhân hết. Tháng 11/2020, N bỏ đi khỏi địa phương, ông H nhiều lần liên lạc nhưng không được, nên đã trình báo Cơ quan CSĐT - Công an huyện M. Cơ quan CSĐT - Công an huyện M đã chuyển hồ sơ vụ án cho Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Nam Định giải quyết theo thẩm quyền.

Ngày 06/8/2021 Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Nam Định đã trả lại cho ông H 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bản gốc) mang tên bà Nguyễn Thị Đ(BL45).

Về trách nhiệm dân sự: Ông H yêu cầu N phải trả lại cho ông số tiền 19 triệu đồng.

7. Vụ thứ bảy:

Khoảng tháng 02/2020, thông qua anh Đàm Thanh B, sinh năm 1981, trú tại: Tổ 9, thị trấn N, huyện M, tỉnh Nam Định, bà Bùi Thị N, sinh năm 1956, trú tại: Tổ 13, thị trấn N, huyện M nhờ N làm thủ tục sang tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 420, tờ bản đồ số 13, diện tích 25m² từ tên mẹ đẻ là bà Đoàn Thị R sang tên cho mình. N đồng ý đi cùng anh B đến nhà bà N, hai bên thỏa thuận chi phí hết 10 triệu đồng. Tại nhà bà Bùi Thị N, N đã nhận 01 Giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất số G 840284 cấp ngày 28/9/1995 (Bản gốc); bản sao sổ hộ khẩu, bản sao chứng minh nhân dân của bà N, các giấy tờ khác có liên quan và số tiền 10.000.000 đồng (Có sự chứng kiến của anh B). N hẹn trong thời gian khoảng 03 tháng sẽ làm xong thủ tục. Tuy nhiên sau khi nhận tiền N không hoàn thiện các thủ tục đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà N, đã sử dụng số tiền này để trả nợ và tiêu xài cá nhân hết. Tháng 11/2020, N bỏ đi khỏi địa phương. Bà Bùi Thị N không liên lạc được với N, nên đã trình báo Cơ quan CSĐT - Công an huyện M. Cơ quan CSĐT - Công an huyện M đã chuyển hồ sơ vụ án cho Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Nam Định giải quyết theo thẩm quyền (BL 579 - 582).

Tại Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Nam Định, N khai nhận hành vi phạm tội như nêu trên.

Ngày 06/8/2021 Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Nam Định đã trả lại cho bà N 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G 840284 cấp ngày 28/9/1995 (bản gốc) và số giấy tờ bà N đưa cho N (BL44).

Về trách nhiệm dân sự: Bà N yêu cầu N phải trả lại cho bà số tiền 10 triệu đồng.

8. Vụ thứ tám:

Khoảng tháng 4/2020, anh Đào Hải Q, sinh năm 1997, trú tại: Thôn Phú Hào, xã N, huyện M, tỉnh Nam Định mua của ông Trương Văn K, sinh năm 1963, trú tại: Thôn Phú Hào, xã N, huyện M, tỉnh Nam Định thửa đất số 35, tờ bản đồ số 19, diện tích 300m² đất vườn. Sau đó anh Q lên Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện M để làm thủ tục sang tên thì gặp và nhờ N làm giúp thủ tục. N đồng ý nói với anh Q chi phí hết 10 triệu đồng. Khoảng 10 ngày sau, tại nhà anh Q, N đã nhận 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AA509614 mang tên ông Trương Văn K (Bản gốc); các giấy tờ khác có liên quan và số tiền 10.000.000 đồng (Có sự chứng kiến của chị Vũ Thị H, sinh năm 1996, là vợ anh Q). N hẹn trong thời gian khoảng 15 ngày sẽ làm xong thủ tục. Khoảng vài ngày sau N cùng 01 cán bộ công chứng (N không nhớ tên) của Văn phòng công chứng T đến nhà đưa anh Q tập hồ sơ gồm: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất; đơn đề nghị cấp lại, cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; đơn đề nghị đăng ký biến động về quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; Tờ khai lệ phí trước bạ nhà, đất; Tờ khai thuế thu nhập cá nhân để cho anh Q và ông K ký. Anh Q đưa thêm cho N 500.000 đồng. Quá thời hạn cam kết, anh Q có điện thoại hỏi thì N bảo hồ sơ đang có trục trặc, phải chờ thêm (thực tế N không báo cáo Lãnh đạo Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện M để làm tiếp các thủ tục đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình anh Q). Tháng 11/2020, N bỏ đi khỏi địa phương. Anh Q không liên lạc được với N,

nên trình báo Cơ quan CSĐT - Công an huyện M. Cơ quan CSĐT - Công an huyện Nam Trực đã chuyển hồ sơ vụ án cho Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Nam Định giải quyết theo thẩm quyền. (BL 465 - 468).

Tại Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Nam Định, N khai nhận hành vi phạm tội như nêu trên. N khai số tiền 10.500.000 đồng đã nộp phí công chứng hợp đồng cho Văn phòng công chứng huyện T là 1.500.000 đồng; Nộp tiền phí dính chính tên cho ông Trương Văn K tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện M số tiền là 500.000 đồng và số tiền còn lại sử dụng để trả nợ.

Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Nam Định tiến hành xác minh tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện M xác định: Chi nhánh có tiếp nhận hồ sơ dính chính tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Trương Văn K thành Trương Công K. Tuy nhiên việc dính chính tên không mất khoản phí nào.

Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Nam Định tiến hành xác minh tại Văn phòng công chứng T xác định: Tiền công chứng hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa gia đình anh Q và gia đình ông K là 300.000 đồng.

Như vậy tổng số tiền chi phí theo quy định của pháp luật khi làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh Q là 300.000 đồng. Số tiền còn lại N chiếm đoạt là 10.200.000 đồng. Anh Q yêu cầu Nam phải trả số tiền này cho anh.

Ngày 12/8/2021 Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Nam Định đã trả lại cho anh Đào Thành T (là anh trai anh Q) 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AA509614 cấp ngày 28/9/2004 (bản gốc) và số giấy tờ anh Q đưa cho N (BL57).

9. Vụ thứ chín:

Khoảng tháng 4/2020, anh Nguyễn Duy B, sinh năm 1978, trú tại: Xóm Phổ, xã H, huyện M, tỉnh Nam Định nhờ N làm thủ tục sang tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ anh Nguyễn Duy Ng thừa số 6527, tờ bản đồ số 6, có diện tích 100m² sang tên cho anh B (Anh B mua của anh Ng). N đồng ý, xuống kiểm tra hiện trạng; giấy tờ liên quan đến thửa đất và nói với anh B chỉ phí hết 60.000.000 đồng. Hai bên thống nhất, anh B đưa trước 40 triệu đồng, còn 20 triệu đồng sẽ đưa khi nhận được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 30/4/2020 tại nhà anh B, N đã nhận một số bản sao giấy tờ có liên quan và số tiền 40 triệu đồng (Có sự chứng kiến của chị Lưu Thị L, sinh năm 1983, là vợ anh B). N hẹn trong thời gian khoảng 5 đến 6 tháng sẽ làm xong thủ tục. Tuy nhiên, quá thời hạn cam kết, anh B liên hệ để hỏi thì N nói thủ tục đã làm xong, chờ một thời gian nữa N sẽ mang đến nhà cho anh B (Thực tế N chưa làm thủ tục gì để sang tên cho anh B). Tháng 11/2020 N bỏ đi khỏi địa phương, số tiền 40 triệu đồng N đã trả nợ và tiêu xài cá nhân hết. Anh B không liên lạc được với N, nên đã trình báo Cơ quan CSĐT - Công an huyện M. Cơ quan CSĐT - Công an huyện M đã chuyển hồ sơ

vụ án cho Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Nam Định giải quyết theo thẩm quyền. (BL 500 -505).

Tại Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Nam Định, N khai nhận hành vi phạm tội như nêu trên.

Về trách nhiệm dân sự: Anh B yêu cầu N phải trả lại cho anh số tiền 40 triệu đồng.

10. Vụ thứ mười:

Khoảng tháng 6/2020, anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1972, trú tại: Thôn Trung Thái, xã N, huyện M, tỉnh Nam Định nhờ N làm thủ tục sang tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ anh Nguyễn Văn V, sinh năm 1961, thửa đất số 47, tờ bản đồ số 3, có diện tích 133m² sang tên cho anh Nguyễn Văn T (Anh T mua của anh V), sau đó sẽ nhập thửa đất này với thửa đất số 48, tờ bản đồ số 3 của anh Nguyễn Văn T làm một thửa đất. N đồng ý và nói với anh Nguyễn Văn T chi phí hết 24.000.000 đồng. Sau đó vài ngày, N đi cùng 01 người đàn ông (N không nhớ tên, địa chỉ) đến nhà anh Nguyễn Văn T để đo đạc thửa đất. Tại đây, N đã nhận 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bản gốc) số AA509663 mang tên anh Nguyễn Văn V và số AM 330405 mang tên anh Nguyễn Văn T và chị Đàm Thị A, một số bản sao giấy tờ có liên quan và số tiền 24 triệu đồng (Có sự chứng kiến của chị Phạm Thị Y, sinh năm 1968, là vợ anh V). N hứa hẹn trong thời gian khoảng 1 tháng sẽ hoàn thiện xong thủ tục. Sau đó, N đã hoàn thiện hồ sơ gồm: Đơn xin tách, hợp thửa đất; hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất; đơn đề nghị cấp lại, cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; đơn đề nghị đăng ký biến động về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; tờ khai thuế thu nhập cá nhân; tờ khai lệ phí trước bạ nhà, đất; biên bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất; phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất và đưa cho gia đình anh T và anh V ký, chỉ điểm. N chỉ thiết lập hồ sơ nhưng không thực hiện việc lấy xác nhận của cơ quan có thẩm quyền. Tháng 11/2020 N bỏ đi khỏi địa phương. Anh Thành không liên lạc được với N, nên đã trình báo Cơ quan CSĐT - Công an huyện M. Cơ quan CSĐT - Công an huyện M đã chuyển hồ sơ vụ án cho Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Nam Định giải quyết theo thẩm quyền. (BL 525 - 527).

Tại Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Nam Định, N khai nhận hành vi phạm tội như nêu trên. Số tiền 24 triệu đồng N đã trả nợ và tiêu xài cá nhân hết.

Ngày 07/8/2021 Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Nam Định đã trả lại cho chị A 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bản gốc) số AA509663 mang tên anh

Nguyễn Văn V và số AM 330405 mang tên anh Nguyễn Văn T và chị Đàm Thị A và số giấy tờ anh T đưa cho N (BL48).

Về trách nhiệm dân sự: Anh T yêu cầu N phải trả lại cho anh số tiền 24 triệu đồng.

11. Vụ thứ mười một:

Khoảng tháng 6/2020, anh Trịnh Văn N, sinh năm 1978, trú tại: Thôn Nam Hưng, xã N, huyện M, tỉnh Nam Định nhờ N làm thủ tục sang tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ ông Nguyễn Minh Th, sinh năm 1945, trú tại: phường Tân Lợi, TP B, tỉnh Đắk Lắk, thửa đất số 96, tờ bản đồ số 16, có diện tích 95m² sang tên cho anh Trịnh Văn N (Anh N mua thửa đất này của ông Th). N đồng ý, nói với anh Trịnh Văn N chi phí hết 22.000.000 đồng. Khoảng vài ngày sau, tại nhà anh Trịnh Văn N, N đã nhận 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bản gốc) mang tên ông Nguyễn Minh Th, một số bản sao giấy tờ có liên quan và số tiền 22 triệu đồng (Có sự chứng kiến của chị Lê Thị N, sinh năm 1981, là vợ anh Trịnh Văn N). N hẹn trong thời gian khoảng 20 ngày sẽ làm xong thủ tục. Sau đó N đã hoàn thiện hồ sơ gồm: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, đơn xin cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tờ khai thuế, đơn đăng ký biến động, giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu của gia đình anh Trịnh Văn N và ông Th (có công chứng). N chỉ thiết lập hồ sơ nhưng không thực hiện việc lấy xác nhận của cơ quan có thẩm quyền cũng như báo cáo Lãnh đạo Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện M. Tháng 11/2020 N bỏ đi khỏi địa phương. Anh Trịnh Văn N không liên lạc được với N, liền đến nhà gặp bà Lê Thị M (là mẹ đẻ của N); bà Mai đã trả lại toàn bộ hồ sơ liên quan đến thửa đất cho anh Trịnh Văn N. (BL 415 – 418). Anh Trịnh Văn N đã nộp hồ sơ này cho Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện M để làm thủ tục và đến ngày 26/11/2020 anh được Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Nam Định cấp cho Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tại Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Nam Định, N khai nhận hành vi phạm tội như nêu trên. N khai số tiền 22.000.000 đồng đã nộp phí công chứng hợp đồng cho Văn phòng công chứng huyện T là 1.500.000 đồng; Nộp tiền phí dính chính tên cho ông Nguyễn Minh Th tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện M số tiền là 500.000 đồng và số tiền còn lại sử dụng để trả nợ.

Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Nam Định tiến hành xác minh tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện M xác định: Chi nhánh có tiếp nhận hồ sơ dính chính tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Minh Th. Tuy nhiên việc dính chính tên không mất khoản phí nào.

Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Nam Định tiến hành xác minh tại Văn phòng công chứng T xác định: Tiền công chứng hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa gia đình ông Thoa và gia đình anh Nam là 300.000 đồng.

Như vậy tổng số tiền chi phí theo quy định của pháp luật khi làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh Trịnh Văn N là 300.000 đồng. Số tiền còn lại N chiếm đoạt là 21.700.000 đồng. Anh Trịnh Văn N yêu cầu N phải trả số tiền này cho anh.

12. Vụ thứ mười hai:

Khoảng tháng 6/2020, bà Phạm Thị L, sinh năm 1952, trú tại: Thôn Cổ Giã, xã N, huyện M, tỉnh Nam Định nhờ N làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 4, tờ bản đồ số 34, diện tích 570m² sang tên cho bà L (Bà L mua của Trường 3/2 Nam Ninh (nay là trường THPT Nguyễn Du) ở xã N, huyện M, tỉnh Nam Định). N đồng ý, nói chi phí hết 200.000.000 đồng.

Ngày 01/7/2020, tại nhà bà L, N đã nhận: Biên bản thanh lý tài sản, biên bản nhượng ruộng đất làm nhà ở, phiếu thu (các tài liệu liên quan đến việc mua thửa đất nêu trên), bản sao sổ hộ khẩu, bảo sao chứng minh nhân dân và số tiền 200.000.000 đồng. N đã viết giấy mượn tiền và hứa hẹn trong thời gian 03 tháng sẽ hoàn thành xong việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình bà L, nếu không làm được sẽ hoàn trả lại tiền (Việc giao nhận tiền và giấy tờ có sự chứng kiến của ông Chu Quang B, là chồng bà L). Khoảng trưa ngày 02/7/2020, N tiếp tục đi đến nhà bà Long nói “Cô chú cho cháu ít tiền xăng xe đi lại”. Bà Lo đưa tiếp cho N số tiền 10.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền N đã sử dụng để trả nợ và tiêu xài cá nhân hết. Tháng 11/2020, N bỏ đi khỏi địa phương, bà L nhiều lần liên lạc nhưng không được, đến nhà gặp bà Lê Thị M (là mẹ đẻ N) và nhận lại các giấy tờ, tài liệu nêu trên (BL 280 -285). Bà L đã trình báo Cơ quan CSĐT - Công an huyện M. Cơ quan CSĐT - Công an huyện M đã chuyển hồ sơ vụ án cho Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Nam Định giải quyết theo thẩm quyền.

Tại Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Nam Định, N khai nhận hành vi phạm tội như nêu trên.

Về trách nhiệm dân sự: Bà L yêu cầu N phải trả lại cho bà số tiền 210 triệu đồng.

13. Vụ thứ mười ba:

Khoảng tháng 6/2020 chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1986, trú tại: Đội 5, xã N, huyện M, tỉnh Nam Định nhờ N làm thủ tục tách thửa và sang tên đổi với thửa đất số 36, tờ bản đồ số 2, diện tích 460m², mang tên ông Trần Văn C, sinh năm 1950 (là bố chồng chị) cho con trai là các anh Trần Hữu C, sinh năm 1981 và anh Trần Văn H, sinh năm 1978. N đồng ý, thống nhất với chị T chi phí hết 60 triệu

đồng, đưa trước 30 triệu đồng. Ngày 15/7/2020, tại nhà chị T, N đã nhận số tiền 30 triệu đồng kèm theo giấy tờ gồm có: 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 955714 cấp ngày 11/01/2002 (bản gốc) cùng với bản sao sổ hộ khẩu, chứng minh nhân dân của vợ chồng chị T, vợ chồng anh H, mẹ chồng chị T. N có viết giấy nhận tiền và hẹn chị T khoảng 3 tháng sau sẽ có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới. Sau đó N hoàn thiện một số giấy tờ và đưa lại để gia đình chị Trang ký, gồm: Biên bản xác định hiện trạng thửa đất, đơn xin tách thửa, biên bản mô tả thửa đất, biên bản thỏa thuận phân chia tài sản thừa kế, tờ khai thuế. Khoảng tháng 10/2020 chị T liên lạc hỏi thì N nói dối là thủ tục vẫn chưa làm xong (Thực tế N không báo cáo Lãnh đạo Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện M để làm tiếp các thủ tục đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình chị T). Sau khi nhận tiền của chị T, N đã sử dụng để trả nợ và tiêu xài cá nhân hết. Tháng 11/2020, N bỏ đi khỏi địa phương. Chị T không liên lạc được với N, liền đến nhà gặp bà Lê Thị M (là mẹ đẻ của N); bà M đã trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 955714 cấp ngày 11/01/2002 (bản gốc) cho chị T. Sau đó chị Trang đã trình báo Cơ quan CSĐT - Công an huyện M, giao nộp 01 giấy mượn tiền đề ngày 15/7/2020 và 01 video quay lại hình ảnh N nhận số tiền 30 triệu đồng tại nhà chị T. (BL 560 - 565). Cơ quan CSĐT - Công an huyện M đã chuyển hồ sơ vụ án cho Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Nam Định giải quyết theo thẩm quyền.

Tại Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Nam Định, N khai nhận hành vi phạm tội như nêu trên.

Về trách nhiệm dân sự: Chị T yêu cầu N phải trả lại cho chị số tiền 30 triệu đồng.

14. Vụ thứ mười bốn:

Năm 1995, ông Đỗ Văn C, sinh năm 1965, trú tại: Xóm 9, xã N, huyện M, tỉnh Nam Định được UBND huyện X (nay là UBND huyện M) cấp 168m² đất ở tại thửa số 5221 và diện tích 726m² đất trồng lúa tại thửa số 1926/2 tờ bản đồ số 4.

Năm 2017, ông C và UBND xã N, huyện M thỏa thuận đổi 173m² đất trồng lúa tại thửa số 1926/2 lấy 346m² đất trồng lúa (đất UB do UBND xã M quản lý) ở xóm 9, xã N, huyện M, liền kề với thửa đất ở của gia đình để xây dựng trường THCS xã N. Tuy nhiên, sau đó UBND xã N không thực hiện việc đổi ruộng nữa và đã thu hồi toàn bộ các giấy tờ có liên quan. Tuy nhiên gia đình ông C vẫn sử dụng thửa đất trên và tự ý vượt lập làm vườn trồng rau.

Khoảng đầu tháng 7/2020, ông C nhờ N làm các thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đối với diện tích 346m² đất nêu trên. N đồng ý, xuống kiểm tra thực địa thửa đất. N nói sẽ làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trước, sau đó sẽ làm thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất, chi phí là 220.000.000

đồng. Ngày 03/7/2020, tại nhà ông C, N đã nhận các tài liệu gồm: Bản sao biên bản làm việc ngày 11/01/2017 liên quan đến việc giao đất, bản sao chứng minh nhân dân, bảo sao sổ hộ khẩu gia đình ông C và nhận trước số tiền 120.000.000 đồng. Hai bên thỏa thuận khi nào nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì sẽ đưa nốt số tiền còn lại là 100.000.000 đồng. N đồng ý, viết giấy mượn tiền (BL37) và hẹn trong thời gian 05 tháng sẽ làm xong thủ tục. Tuy nhiên, quá thời hạn cam kết, ông C nhiều lần liên lạc hỏi thì N bảo vẫn đang làm thủ tục, chưa xong. Thực tế N đã sử dụng số tiền này để trả nợ và tiêu xài cá nhân hết. Tháng 11/2020 N bỏ đi khỏi địa phương. Ông C không liên lạc được với N, nên đã trình báo Cơ quan CSĐT - Công an huyện M. Cơ quan CSĐT - Công an huyện M đã chuyển hồ sơ vụ án cho Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Nam Định giải quyết theo thẩm quyền (BL 691-695).

Tại Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Nam Định, N khai nhận hành vi phạm tội như nêu trên.

Về trách nhiệm dân sự: Ông C yêu cầu N phải trả lại cho ông số tiền 120 triệu đồng.

15. Vụ thứ mười lăm:

Khoảng tháng 8/2020, thông qua anh Trần Xuân B, sinh năm 1975, trú tại: Tổ 9, thị trấn N, huyện M, tỉnh Nam Định, anh Trần Văn T, sinh năm 1977, trú tại: Tổ 6, thị trấn N, huyện M nhờ N làm thủ tục sang tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 227, tờ bản đồ số 19, diện tích 120m² từ tên bố đẻ là ông Trần Trung K, sinh năm 1951 sang tên cho mình. Tại nhà anh T, N đã nhận 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bản gốc) mang tên ông Trần Trung K, bản sao các thủ tục về thừa kế, chứng minh thư nhân dân, sổ hộ khẩu và số tiền 13 triệu đồng (Việc giao nhận giấy tờ và tiền không viết giấy tờ gì nhưng có sự chứng kiến của anh B). N hẹn trong thời gian khoảng 01 tháng sẽ làm xong thủ tục. Tuy nhiên sau khi nhận tiền N không hoàn thiện các thủ tục đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh T, đã sử dụng số tiền này để trả nợ và tiêu xài cá nhân hết. Tháng 11/2020, N bỏ đi khỏi địa phương. Anh T không liên lạc được với N, nên đã trình báo Cơ quan CSĐT - Công an huyện M. Cơ quan CSĐT - Công an huyện M đã chuyển hồ sơ vụ án cho Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Nam Định giải quyết theo thẩm quyền. (BL 622 - 632).

Tại Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Nam Định, N khai nhận hành vi phạm tội như nêu trên và khai nhận đã đưa cho anh B số tiền 3.000.000 đồng để trả công giới thiệu. Anh B đã tự nguyện giao nộp số tiền trên cho Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Nam Định.

Ngày 06/8/2021 Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Nam Định đã trả lại cho anh T 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và các giấy tờ mà Nam đã nhận của anh Tường cùng với số tiền 3 triệu đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Anh T yêu cầu N phải trả lại cho anh số tiền 10 triệu đồng.

16. Vụ thứ mười sáu:

Khoảng tháng 8/2020, chị Bùi Thị N, sinh năm 1980, trú tại: Tổ 7, thị trấn N, huyện M, tỉnh Nam Định nhờ N làm thủ tục tách thửa, sang tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và chuyển mục đích sử dụng đất từ đất vườn sang đất ở đối với thửa đất số 74, tờ bản đồ số 19, diện tích 70m² (Chị N mua của bà Vũ Thị D, sinh năm 1962, trú tại: Tổ 6, thị trấn N, huyện M, tỉnh Nam Định). N đồng ý, nói chi phí hết 100.000.000 đồng. Hai bên thống nhất chị N đưa trước số tiền 50 triệu đồng, khi nào nhận Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì đưa nốt 50 triệu đồng.

Ngày 03/9/2020, tại nhà chị N, N đã nhận: Bản sao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G 871033 cấp ngày 28/9/1995 mang tên ông Nguyễn Văn H (chồng bà D), bản sao chứng minh thư nhân dân, bản sao sổ hộ khẩu nhà bà D, bản sao giấy chứng tử của ông H và số tiền 50.000.000 đồng. N đã viết giấy mượn tiền và hứa hẹn trong thời gian 03 tuần sẽ hoàn thành xong việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chị N (Việc giao nhận tiền và giấy tờ có sự chứng kiến của anh Trần Văn A, sinh năm 1977, là chồng chị N). Sau khi nhận tiền N đã sử dụng để trả nợ và tiêu xài cá nhân hết. Tháng 11/2020, N bỏ đi khỏi địa phương, chị N nhiều lần gọi điện thoại nhưng không được, nên đã trình báo Cơ quan CSĐT - Công an huyện M. Cơ quan CSĐT - Nam Định giải quyết theo thẩm quyền. (BL 602-608).

Tại Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Nam Định, N khai nhận hành vi phạm tội như nêu trên.

Về trách nhiệm dân sự: Chị N yêu cầu N phải trả lại cho chị số tiền 50 triệu đồng.

17. Vụ thứ mười bảy:

Khoảng tháng 9/2020, anh Trần Quốc Đ, sinh năm 1976, trú tại: Xóm 7, xã N, huyện M, tỉnh Nam Định nhờ N làm thủ tục sang tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 1294/4, tờ bản đồ số 2, diện tích 200m² (Thửa đất này anh Đ được hưởng thừa kế từ bố đẻ là ông Trần Đình Th); sau đó làm thủ tục tách thửa, sang tên diện tích 100m² đất cho anh Nguyễn Xuân Th, sinh năm 1976, trú tại: Xóm 7, xã N, huyện M, tỉnh Nam Định (Anh Đ bán cho anh Th 100m² đất). N đồng ý.

Ngày 20/9/2020, tại nhà anh Đ, N đã nhận 01 bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 263720 mang tên ông Trần Đình Th do UBND huyện M cấp ngày 31/12/2009, đơn xin tách thửa, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế, đơn đăng ký biến động về quyền sử dụng đất, tờ khai lệ phí trước bạ, phiếu yêu cầu công chứng, bản sao sổ hộ khẩu và chứng minh nhân dân của anh Đ và anh Th. N nói chi phí làm thủ tục sang tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ ông Th cho anh Đ hết số tiền là 20.000.000 đồng; làm thủ tục tách Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và sang tên cho anh Nguyễn Xuân Th chi phí hết số tiền 13 triệu đồng. Anh Đ và anh Th đồng ý, anh Đ đã đưa cho N số tiền 20.000.000 đồng (Hai bên không viết giấy tờ gì nhưng có sự chứng kiến của chị Nguyễn Thị Kh, sinh năm 1978, là vợ anh Đ và bà Trần Thị H, sinh năm 1945, là mẹ đẻ anh Đ). N hứa hẹn trong thời gian khoảng 01 tháng sẽ hoàn thành xong thủ tục.

Khoảng một tuần sau, tại nhà anh Đ, N và một người đàn ông giới thiệu là cán bộ văn phòng công chứng huyện M (Nam không nhớ tên, tuổi, địa chỉ) tiếp tục hướng dẫn vợ chồng anh Đ, vợ chồng anh Th làm và ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. N nhận số tiền 13 triệu đồng của anh Th (Hai bên không viết giấy tờ gì nhưng có sự chứng kiến của vợ chồng anh Đ và vợ của anh Th là chị Mai Thị H, sinh năm 1986). Sau khi nhận tiền N đã sử dụng để trả nợ và tiêu xài cá nhân hết. Tháng 11/2020, N bỏ đi khỏi địa phương, anh Đ, anh Th nhiều lần gọi điện thoại nhưng không được, nên đã trình báo Cơ quan CSĐT - Công an huyện M. Cơ quan CSĐT - Công an huyện M đã chuyển hồ sơ vụ án cho Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Nam Định giải quyết theo thẩm quyền. (BL 649-660).

Tại Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Nam Định, N khai nhận hành vi phạm tội như nêu trên.

Ngày 06/8/2021 Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Nam Định đã trả lại cho anh Đ 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bản gốc) số số AO 263720 mang tên ông Trần Đình Th và số giấy tờ anh Đ đưa cho N (BL46).

Về trách nhiệm dân sự: Anh Đ, anh Th yêu cầu N phải trả lại cho các anh số tiền 33 triệu đồng (Trả lại anh Đ 20 triệu đồng, trả lại anh T 13 triệu đồng).

18. Vụ thứ mười tám:

Khoảng tháng 9/2020, anh Trịnh Minh T, sinh năm 1980 ở thôn X, xã N, huyện M, tỉnh Nam Định nhờ N làm thủ tục tách thửa, sang tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 64, tờ bản đồ số 19, diện tích 435m² từ tên ông Trịnh Minh Đ (là bố đẻ anh T) sang tên cho anh T 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và sang tên cho các anh Trịnh Văn T, Trịnh Văn T1 (là anh em trai

của anh Trịnh Minh T) 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. N đồng ý, nói chi phí hết 35.000.000 đồng.

Khoảng vài ngày sau, tại khu vực cầu Nam Toàn thuộc địa phận xóm 2, xã N, huyện M, tỉnh Nam Định, N đã nhận 01 bản sao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Trịnh Minh Đ, bản sao giấy chứng minh nhân dân, bản sao sổ hộ khẩu của các anh Trịnh Minh T, Trịnh Văn T, T1 và số tiền 35.000.000 đồng (Việc giao nhận tiền và tài liệu trên không có ai chứng kiến và không viết giấy tờ gì). N hứa hẹn trong thời gian 20 ngày sẽ hoàn thiện xong việc cấp 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh Trịnh Minh T. Sau khi nhận tiền N đã sử dụng để trả nợ và tiêu xài cá nhân hết. Tháng 11/2020, N bỏ đi khỏi địa phương, anh Trịnh Minh T nhiều lần gọi điện thoại nhưng không được, nên đã trình báo Cơ quan CSĐT - Công an huyện M. Cơ quan CSĐT - Công an huyện M đã chuyển hồ sơ vụ án cho Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Nam Định giải quyết theo thẩm quyền. (BL 290-293).

Tại Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Nam Định, N khai nhận hành vi phạm tội như nêu trên.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Trịnh Minh T yêu cầu Nam phải trả lại cho anh số tiền 35 triệu đồng.

19. Vụ thứ mười chín:

Khoảng tháng 10/2020, bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1953, trú tại: Xóm H, xã B, huyện M, tỉnh Nam Định nhờ N làm thủ tục sang tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 56, tờ bản đồ số 29, diện tích 110m² đất ở từ tên ông Vũ Thế H (là chồng bà T) sang tên cho anh Vũ Đức Ch, sinh năm 1983 (là con trai bà T) và 01 thửa đất số 64, tờ bản đồ số 31, diện tích 280m² đất vườn sang tên cho anh Vũ Đức H (là con trai bà T). N đồng ý, nói chi phí hết 25.000.000 đồng.

Ngày 26/10/2020, tại nhà bà T, N đã nhận: 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Vũ Văn H (bản gốc), bản sao giấy chứng tử của ông H, bản sao chứng minh thư nhân dân, bản sao sổ hộ khẩu của bà T, anh C, anh H và số tiền 25.000.000 đồng. N đã viết giấy nhận tiền và hứa hẹn trong thời gian 02 tuần sẽ hoàn thành xong việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà T. Sau khi nhận tiền N đã sử dụng để trả nợ và tiêu xài cá nhân hết. Tháng 11/2020, N bỏ đi khỏi địa phương, bà T nhiều lần liên lạc nhưng không được, đến nhà gặp bà Lê Thị M (là mẹ đẻ N) và nhận lại các giấy tờ, tài liệu nêu trên, trong đó có 01 bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Vũ Văn H (BL 455 -458). Bà T đã trình báo Cơ quan CSĐT - Công an huyện M. Cơ quan CSĐT - Công an

huyện M đã chuyển hồ sơ vụ án cho Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Nam Định giải quyết theo thẩm quyền.

Tại Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Nam Định, N khai nhận hành vi phạm tội như nêu trên.

Về trách nhiệm dân sự: Bà T yêu cầu N phải trả lại cho bà số tiền 25 triệu đồng.

Như vậy: Tổng số tiền mà N đã chiếm đoạt trong 19 vụ là 760.288.375 đồng. N khai: Trả nợ cho anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1991, trú tại: Xóm 2, xã N, huyện M số tiền là 100.000.000 đồng; trả cho chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1971, trú tại: Tổ dân phố số 4, thị trấn N, huyện M số tiền khoảng 300.000.000 đồng; trả cho anh Đàm Thanh B, sinh năm 1981, trú tại: Tổ dân phố số 9, thị trấn N và anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1980, trú tại: Xóm Trại, xã N, huyện M số tiền khoảng vài trăm triệu đồng (Nam không nhớ cụ thể là bao nhiêu tiền), số tiền còn lại Nam sử dụng để chi tiêu cá nhân. Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Nam Định đã tiến hành xác minh, kết quả:

- Anh Nguyễn Văn S xác định: Khoảng tháng 6/2020 cho N vay số tiền là 100.000.000 đồng. Khoảng tháng 9/2020, N đã trả đủ số tiền này, giữa anh S và N không còn nợ nần gì nhau.

- Chị Nguyễn Thị T xác định: Năm 2020 (không nhớ thời gian cụ thể), chị T đã cho N vay số tiền 200.000.000 đồng. Hiện nay, N vẫn chưa trả lại số tiền trên cho chị T.

- Anh Nguyễn Văn N xác định: Anh Nghị có quen biết Nam. Tuy nhiên, anh N không cho N vay tiền nên không có việc N trả tiền cho anh N như đã khai nhận với Cơ quan điều tra.

- Anh Đàm Thanh B xác định: Khoảng năm 2019 (không nhớ cụ thể thời gian), anh B đã cho N vay số tiền 20.000.000 đồng. N đã trả đủ số tiền này, giữa anh B và N không còn nợ nần gì nhau.

Tại Kết luận giám định số 662/KLGD-PC09 ngày 31/5/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Nam Định kết luận: Chữ viết, chữ ký trên các giấy biên nhận, giấy nhận tiền và giấy mượn tiền là chữ ký, chữ viết của Nguyễn Văn N (BL 30, 31).

Ngày 05/3/2021, Cơ quan CSĐT - Công an huyện M, tỉnh Nam Định ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự số 26, Quyết định khởi tố bị can số 53 và ra Lệnh bắt bị can để tạm giam số 06 đối với Nguyễn Văn N về tội: “Lạm dụng chức vụ quyền hạn chiếm đoạt tài sản” quy định tại Điều 355 BLHS năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Ngày 07/5/2021, Cơ quan CSĐT - Công an huyện M ra Quyết định bổ sung Quyết định khởi tố vụ án hình sự số 04. Ngày 11/5/2021, VKSND

huyện M ra Quyết định chuyển vụ án hình sự cho Cơ quan CSĐT (PC01) Công an tỉnh Nam Định để thụ lý giải quyết theo thẩm quyền. Ngày 02/8/2021, Cơ quan CSĐT (PC01) Công an tỉnh Nam Định ra Quyết định bổ sung quyết định khởi tố vụ án số 09/PC01.

Trong quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT - Công an huyện M đã thu giữ các giấy biên nhận tiền, giấy mượn tiền, hồ sơ liên quan đến thủ tục cấp đổi, cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trong đó có các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Bản gốc) và các tài liệu khác do các hộ dân đã đưa cho Nguyễn Văn N. Số giấy tờ này, Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Nam Định đã trả lại cho các hộ dân. Cụ thể đã nêu trong nội dung từng vụ án.

Đối với chiếc USB mà chị Nguyễn Thị T giao nộp, đã chuyển cùng hồ sơ vụ án.

- Đối với bà Lê Thị M (Là mẹ đẻ của Nam): Bà Mai chỉ biết có người đến nhờ N làm giúp các thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, còn cụ thể N giúp ai, nhận tiền của ai và làm như thế nào thì bà M không biết. Khoảng tháng 11/2020, N nói với bà M chuẩn bị đi làm ăn xa nên đã đưa cho bà M một số Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bản gốc) và các tài liệu có liên quan đến việc cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và bảo nếu có ai đến lấy thì đưa trả cho họ. Sau đó, bà M đã tiến hành trả các tài liệu trên cho các hộ dân, số giấy tờ còn lại đã giao nộp cho Cơ quan CSĐT - Công an huyện M. Do vậy, Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Nam Định không xử lý bà Mai là có căn cứ.

- Đối với anh Trần Xuân B: Do biết N làm việc tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện M nên đã nhờ N làm giúp các thủ tục sang tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh Trần Văn T và được N đưa cho số tiền 3.000.000 đồng. Bản thân anh B không biết đây là số tiền do N phạm tội mà có và đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Nam Định để trả lại cho anh T. Do vậy, Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Nam Định không xử lý anh B là có căn cứ.

- Đối với anh Nguyễn Mạnh S - Giám đốc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện M: Không biết, không chỉ đạo N tiếp nhận hồ sơ và chiếm đoạt tiền của 19 người dân. Anh S đã kiểm tra nhưng không phát hiện ra hành vi của N. Do vậy, hành vi của anh S không cấu thành tội phạm, nên Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Nam Định không đề cập xử lý là có căn cứ.

- Đối với việc Nam khai đã đưa số tiền 10.000.000 đồng cho chị Vũ Thị X - Kế toán của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện M để làm thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chị Trịnh Thị B: Chị Xuân khai không có sự việc nêu trên; Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Nam Định đã tiến hành đối chất

nhưng N và chị X vẫn giữ nguyên lời khai. Ngoài lời khai của Nam không có tài liệu khác để chứng minh. Do vậy, không đủ căn cứ để Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Nam Định xử lý đối với chị X.

Cáo trạng số 95/CT-VKS-P3 ngày 06/9/2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn N về tội “Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 355 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa hôm nay: Bị cáo Nguyễn Văn N đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa đã luận tội đối với bị cáo sau khi phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đã đề nghị HĐXX:

- Áp dụng khoản 3, khoản 5 Điều 355; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N từ 16 đến 17 năm tù. Cấm bị cáo Nguyễn Văn N đảm nhiệm chức vụ liên quan đến hành vi phạm tội trong thời gian từ 01 đến 02 năm kể từ ngày thi hành xong hình phạt tù, về tội “Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản”.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường cho những người bị hại, toàn bộ số tiền mà bị cáo đã chiếm đoạt.

Luật sư Ngô Duy Đông đã phát biểu quan điểm bào chữa cho bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Vì bị cáo là người có nhân thân tốt; điều kiện và hoàn cảnh của bị cáo hiện nay rất khó khăn, bố mất sớm, mẹ già và con còn nhỏ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Nam Định, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Từ tháng 10/2017 đến tháng 10/2020, Nguyễn Văn N được ký hợp đồng làm việc tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện M; N được phân công

nhiệm vụ thẩm định hồ sơ chuyển nhượng, cho tặng, thừa kế quyền sử dụng đất; đo tách và in Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, do cần tiền để trả nợ và tiêu xài cá nhân, nên trong khoảng thời gian từ tháng 12/2018 đến tháng 10/2020, N đã lạm dụng chức vụ, quyền hạn được giao, tự ý tiếp nhận hồ sơ của 19 hộ dân, nhận làm thủ tục cấp đổi, cấp mới Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Thực tế N nhận trực tiếp giấy tờ, tài liệu như Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sổ hộ khẩu, Giấy chứng minh nhân dân của các hộ dân và hoàn thiện các thủ tục như làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất có công chứng, tờ khai thuế, đơn xin cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đơn đăng ký biến động.... nhưng không thực hiện việc lấy xác nhận của cơ quan có thẩm quyền, không báo cáo Lãnh đạo Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện M để hoàn thiện thủ tục cho các hộ dân), chiếm đoạt tổng số tiền là 760.288.375 đồng. Như vậy hành vi của bị cáo N đã có đủ các yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 355 Bộ luật Hình sự năm 2015, như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định đã truy tố đối với bị cáo là hoàn toàn có căn cứ. Hành vi phạm tội của bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội, xâm hại đến sự hoạt động đúng đắn của các cơ quan Nhà Nước, tổ chức xã hội và quan hệ sở hữu tài sản của công dân; gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh và trật tự an toàn xã hội, bản thân bị cáo là người có đầy đủ năng lực pháp luật hình sự cũng như khả năng nhận thức về những điều cấm của pháp luật trong việc bảo vệ sự hoạt động đúng đắn của các cơ quan Nhà Nước, tổ chức xã hội và quan hệ sở hữu tài sản của công dân. Vì vậy cần phải xử phạt nghiêm minh đối với bị cáo.

[3] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo Nguyễn Văn N đã thành khẩn khai báo. Vì vậy cần xem xét cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015.

Về tình tiết, tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS năm 2015.

[4] Căn cứ tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo. HĐXX xét thấy cần áp dụng điểm a khoản 3 Điều 355 BLHS năm 2015, để xử phạt đối với bị cáo Nguyễn Văn N và cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian dài, để cải tạo giáo dục đối với bị cáo, cũng như để răn đe phòng ngừa chung.

[5] Về hình phạt bổ sung: Cần cấm bị cáo Nguyễn Văn N đảm nhiệm chức vụ liên quan đến hành vi phạm tội trong thời gian 05 (Năm) năm kể từ ngày thi hành xong hình phạt tù.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Văn N phải bồi thường cho những người bị hại số tiền mà bị cáo đã chiếm đoạt với tổng số tiền là 711.900.000đ (Bảy trăm mười một triệu chín trăm nghìn đồng). Đối với số tiền mà bị cáo đã chiếm đoạt của anh Phạm Hữu T là 2.000.000 đồng; chiếm đoạt của chị Trịnh Thị B 18.388.375 đồng; chiếm đoạt của ông Hoàng Đức V là 25.000.000 đồng. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay những người bị hại nêu trên đều không yêu cầu bị cáo phải trả lại; do vậy không đề cập giải quyết.

[7] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn N phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn N phạm tội “Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản”.

- Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 355; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N 16 (Mười sáu) năm tù, thời hạn tù được tính từ ngày 09/3/2021.

2. Về hình phạt bổ sung:

Căn cứ khoản 5 Điều 355 Bộ luật Hình sự năm 2015: Cấm bị cáo Nguyễn Văn N đảm nhiệm chức vụ liên quan đến hành vi phạm tội trong thời gian 05 (Năm) năm kể từ ngày thi hành xong hình phạt tù.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn N phải bồi thường cho những người bị hại số tiền mà bị cáo đã chiếm đoạt cụ thể:

- Anh Đoàn Văn C số tiền là 24.000.000đ (Hai mươi bốn triệu đồng);
- Ông Hoàng Khắc X số tiền là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng);
- Bà Bùi Thị N số tiền là 10.000.000đ (Mười triệu đồng);
- Anh Đào Hải Q số tiền là 10.200.000đ (Mười triệu hai trăm nghìn đồng);
- Anh Nguyễn Duy B số tiền là 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng);
- Anh Nguyễn Văn T số tiền là 24.000.000đ (Hai mươi bốn triệu đồng);

- Anh Trịnh Văn N số tiền là 21.700.000đ (Hai mươi một triệu bảy trăm nghìn đồng);

- Bà Phạm Thị L, số tiền là 210.000.000đ (Hai trăm mười triệu đồng);

- Chị Nguyễn Thị T, số tiền là 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng);

- Ông Đỗ Văn C, số tiền là 120.000.000đ (Một trăm hai mươi triệu đồng);

- Anh Trần Văn T, số tiền là 10.000.000đ (Mười triệu đồng);

- Chị Bùi Thị N, số tiền là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng);

- Anh Trần Quốc Đ, số tiền là 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng);

- Anh Nguyễn Xuân T, số tiền là 13.000.000đ (Mười ba triệu đồng);

- Anh Trịnh Minh T, số tiền là 35.000.000đ (Ba mươi lăm triệu đồng);

- Ông Nguyễn Phú H, số tiền là 19.000.000đ (Mười chín triệu đồng);

- Bà Nguyễn Thị T, số tiền là 25.000.000đ (Hai mươi năm triệu đồng);

4. Về án phí: Căn cứ Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị Quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí và lệ phí tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn N phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 32.476.000đ (Ba mươi hai triệu bốn trăm bảy mươi sáu nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, bị hại đã báo quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nơi nhận:

- TAND.CC và VKSND.CC;
- VKSND và CA tỉnh Nam Định;
- Cục THADS tỉnh Nam Định;
- Trại tạm giam - CA tỉnh Nam Định;
- Bị cáo; bị hại;
- Người bào chữa của bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Vũ Hà Nam

